TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Văn Dũng;

- Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:* Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **18**/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1994; số căn cước công dân: 089194015125; địa chỉ: ấp S, xã H, tỉnh Tây Ninh; Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1992; số căn cước công dân: 089092012252; địa chỉ: ấp P, xã Ô, tỉnh An Giang; Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:

Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông Q được hình thành là dựa trên quen biết và tìm hiểu nhau, sau đó được gia đình hai bên chấp thuận và tiến đến hôn nhân, hôn nhân có tổ chức lễ cưới. Hôn nhân có đăng ký kết hôn số 79 ngày 24/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Ô. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở tại địa chỉ: Ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang (nay là ấp P, xã Ô, tỉnh An Giang).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng về sau này đời sống vợ chồng không còn hòa hợp, do vợ chồng bất đồng quan điểm,

tính tình không hợp nhau. Hiện bà và ông Q đã ly thân được gần 04 năm, cho đến nay thì vợ chồng không còn tiếng nói chung nên bà H không thể sống chung với ông Q được. Nay mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn Q.

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà Q có 02 (hai) con chung tên Đỗ Hoàng P, sinh ngày 11/10/2019 và Đỗ Hoàng N, sinh ngày 19/11/2013. Sau khi ly hôn, bà H đồng ý giao hai con chung cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, ông Đỗ Văn Q có lời khai như sau:

Vào năm 2012, ông và bà H tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sau thời gian tìm hiểu cả hai tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, tỉnh An Giang vào ngày 24/6/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Ô, huyện T (nay là xã Ô, tỉnh An Giang). Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vả, bà H bỏ nhà đi không quan tâm đến gia đình, đến tháng 08/2021 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên ông Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Ngô Thị H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông Q có 02 (hai) con chung tên Đỗ Hoàng P, sinh ngày 11/10/2019 và Đỗ Hoàng N, sinh ngày 19/11/2013. Khi ly hôn, ông Q yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Ngô Thị H; về con chung, ông Đỗ Văn Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Hoàng P, sinh ngày 11/10/2019 và cháu Đỗ Hoàng N, sinh ngày 19/11/2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Ngô Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn Q, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông Q cư trú tại xã Ô, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà H, bị đơn ông Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn bà H trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hiện bà và ông Q đã ly thân được gần 04 năm, nên bà H yêu cầu ly hôn với ông Q.

Bị đơn ông Q trình bày, quá trình chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vả, bà H bỏ nhà đi không quan tâm đến gia đình, đến tháng 08/2021 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên ông Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Ngô Thị H

Xét thấy, giữa bà H và ông Q phát sinh mâu thuẫn là có thật, và cả hai đã sống ly thân từ tháng 8/2021 cho đến nay. Nguyên đơn bà H yêu cầu xin ly hôn, bị đơn ông Q cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị H và ông Đỗ Văn Q theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà H và ông Q xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Đỗ Hoàng P, sinh ngày 11/10/2019 và Đỗ Hoàng N, sinh ngày 19/11/2013. Hiện các cháu đang sống với ông Q, bà H đồng ý giao hai con chung cho ông Q tiếp tục nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con; ông Q yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu P và cháu N đang được ông Q chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, giúp các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu N, cháu có nguyện vọng muốn sống chung với cha (ông Q) khi cha mẹ ly hôn, do đó Hội đồng xét xử giao cháu P và

cháu N cho ông Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ông Đỗ Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 , Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị H được ly hôn với ông Đỗ Văn Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 24/6/2016 do Ủy ban nhân dân xã Ô, tỉnh An Giang cấp cho bà Ngô Thị H và ông Đỗ Văn Q không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Đỗ Văn Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Hoàng P, sinh ngày 11/10/2019 và Đỗ Hoàng N, sinh ngày 19/11/2013. Bà Ngô Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đỗ Văn Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Ngô Thị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Ngô Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018613 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang; bà Ngô Thị H đã nộp đủ án phí.

Ông Đỗ Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo của bà Ngô Thị H và ông Đỗ Văn Q là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.